

CTY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *13* /CV-CKKS

Hà Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Kính gửi: Vụ Giám sát Công ty Đại chúng - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

Đồng kính gửi: Phòng Quản lý niêm yết - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã phát hành Báo cáo kiểm toán cho Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Cơ khí và khoáng sản Hà Giang (mã chứng khoán HGM), Báo cáo kiểm toán số 483/VN1A-HN-BC ngày 06 tháng 3 năm 2017 đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Do phần ảnh hưởng của vấn đề ngoại trừ trong phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” chưa phản ánh đầy đủ các ảnh hưởng tài chính của vấn đề được ngoại trừ nên Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã phát hành báo cáo mới, bổ sung thêm thông tin về ảnh hưởng của vấn đề ngoại trừ. Toàn bộ số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang không thay đổi.

Theo đó, chúng tôi kính trình Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang thay thế cho báo cáo cũ nêu trên đính kèm Công văn này.

Mọi thông tin có liên quan được chúng tôi công bố trên website của Công ty cũng như thông báo tới các Cổ đông của Công ty.

Trân trọng,

CTY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG
GIÁM ĐỐC

Nơi nhận

- Như trên.
- Lưu văn thư



MÀ NGỌC TIẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN
HÀ GIANG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 5 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 9 - 10 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 11 - 36 |

11/01/2021
TR
11/01

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|--|
| Ông Phạm Thành Đô | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Việt Phương | Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016) |
| Ông Ma Ngọc Tiến | Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016) |
| Ông Vũ Trí Thức | Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016) |
| Ông Trịnh Ngọc Hiếu | Thành viên |
| Ông Nguyễn Trung Hiếu | Thành viên |
| Ông Tạ Hồng Thăng | Thành viên |
| Ông Đào Xuân Tuất | Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016) |
| Ông Lê Thanh Tuấn | Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016) |

Ban Giám đốc

| | |
|---------------------|--|
| Ông Ma Ngọc Tiến | Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016) |
| Ông Trịnh Ngọc Hiếu | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016) |
| | Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016) |
| Ông Đào Xuân Tuất | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Biên | Phó Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

301
CƠ KHÍ
HÀ GIANG
EL
11
50

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ma Ngọc Tiến
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

25
G
M
H
A

Số: 616 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày ngày 17 tháng 3 năm 2017, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã tạm dừng trích chi phí phải đóng góp cho địa phương cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 15.120.000.000 VND, đồng thời hoàn nhập số chi phí phải đóng góp cho địa phương đã được Công ty trích lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào thu nhập khác trong năm 2016 với số tiền là 15.750.000.000 VND. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND tỉnh Hà Giang chưa đưa ra quyết định đối với việc tạm dừng thu đối với các khoản đóng góp địa phương nêu trên. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ khoản chi phí phải đóng góp cho địa phương theo quy định hiện hành, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Thu nhập khác sẽ giảm đi 15.750.000.000 VND, Chi phí khác sẽ tăng lên 7.560.000.000 VND, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi 23.310.000.000 VND; trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Phải trả ngắn hạn khác sẽ tăng lên 30.870.000.000 VND, Lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối đến cuối năm trước sẽ giảm đi 7.560.000.000 VND và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay sẽ giảm đi 23.310.000.000 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán độc lập này được phát hành để thay thế cho Báo cáo kiểm toán độc lập số 483/VN1A-HN-BC ngày 06 tháng 3 năm 2017 nhằm trình bày thêm thông tin về ảnh hưởng của vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ".



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1472-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 133.503.312.272 | 132.389.564.490 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 6 | 45.186.541.362 | 99.710.404.514 |
| 1. Tiền | 111 | | 8.436.871.362 | 29.702.534.792 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 36.749.670.000 | 70.007.869.722 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 62.800.000.000 | - |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 7 | 62.800.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.051.382.908 | 5.424.767.472 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 8 | 237.386.988 | 4.261.184.691 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 1.596.792.482 | 1.218.592.482 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 9 | 1.943.444.291 | 671.231.152 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 10 | (726.240.853) | (726.240.853) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 11 | 20.605.751.958 | 25.173.030.895 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 20.605.751.958 | 25.173.030.895 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.859.636.044 | 2.081.361.609 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 12 | 92.405.015 | 98.160.000 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 1.679.579.388 | 1.983.201.609 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 15 | 87.651.641 | - |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 116.814.576.053 | 142.675.649.337 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.461.211.296 | 1.704.253.453 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 9 | 1.461.211.296 | 1.704.253.453 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 35.087.785.299 | 43.509.238.978 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 6.886.671.704 | 11.715.459.792 |
| - Nguyên giá | 222 | | 44.269.308.055 | 43.998.952.857 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (37.382.636.351) | (32.283.493.065) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 14 | 28.201.113.595 | 31.793.779.186 |
| - Nguyên giá | 228 | | 46.168.552.193 | 46.168.552.193 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (17.967.438.598) | (14.374.773.007) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 9.149.450.793 | 13.034.841.998 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 16 | 9.149.450.793 | 13.034.841.998 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 7 | 69.893.032.755 | 82.726.780.240 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 12.756.900.240 | 12.756.900.240 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 69.969.880.000 | 69.969.880.000 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (12.833.747.485) | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.223.095.910 | 1.700.534.668 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12 | 1.223.095.910 | 1.700.534.668 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 250.317.888.325 | 275.065.213.827 |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại) |
|---|--------------|--------------------|------------------------|---------------------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 38.218.860.996 | 72.071.442.629 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 24.571.668.114 | 57.738.083.183 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17 | 1.579.768.503 | 4.696.817.882 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 16.866.950.784 | 20.454.408.692 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 2.430.992.500 | 2.634.630.300 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 293.050.732 | 291.410.732 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 433.197.167 | 28.184.197.535 |
| 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 2.967.708.428 | 1.476.618.042 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 13.647.192.882 | 14.333.359.446 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 9.000.000 | 477.719.064 |
| 2. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 19 | 13.638.192.882 | 13.855.640.382 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 212.099.027.329 | 202.993.771.198 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 212.099.027.329 | 202.993.771.198 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 126.000.000.000 | 126.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 126.000.000.000 | 126.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (42.833.907.079) | (42.833.907.079) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 107.025.722.491 | 107.025.722.491 |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 1.103.464.642 | 1.103.464.642 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 16.303.747.275 | 7.198.491.144 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 769.074.839 | - |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 15.534.672.436 | 7.198.491.144 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 250.317.888.325 | 275.065.213.827 |



Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 3 năm 2017



Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Ma Ngọc Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng | 01 | | 87.543.607.434 | 85.183.276.194 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02) | 10 | 21 | 87.543.607.434 | 85.183.276.194 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 22 | 59.747.593.618 | 55.157.687.340 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11) | 20 | | 27.796.013.816 | 30.025.588.854 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | 6.702.885.771 | 6.190.802.284 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 25 | 13.112.251.565 | 55.789.745 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 7.388.889 | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 27 | 1.392.381.428 | 1.299.183.942 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 27 | 10.836.732.573 | 11.874.169.501 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)) | 30 | | 9.157.534.021 | 22.987.247.950 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 15.950.984.822 | 321.721.720 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 7.618.445.865 | 1.129.053.879 |
| 13. Lãi/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32) | 40 | 26 | 8.332.538.957 | (807.332.159) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 17.490.072.978 | 22.179.915.791 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 28 | 604.559.461 | 1.561.041.888 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51) | 60 | | 16.885.513.517 | 20.618.873.903 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 29 | 1.303 | 1.598 |

Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Ma Ngọc Tiến
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 17.490.072.978 | 22.179.915.791 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 8.691.808.877 | 9.423.524.515 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 12.833.747.485 | - |
| - (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (222.588.164) | (2.225.894.992) |
| - Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | 196.538.753 | (3.966.395.908) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 7.388.889 | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 38.996.968.818 | 25.411.149.406 |
| - Thay đổi các khoản phải thu | 09 | 4.097.633.951 | 705.661.729 |
| - Thay đổi hàng tồn kho | 10 | 4.333.824.952 | (513.192.689) |
| - Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (23.627.157.093) | 14.077.199.940 |
| - Thay đổi chi phí trả trước | 12 | 483.193.743 | 457.919.519 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (7.388.889) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (802.830.887) | (1.834.984.083) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | 2.421.199.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (328.807.000) | (23.610.006.508) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 23.145.437.595 | 17.114.946.314 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (2.786.905.368) | (408.729.642) |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | 147.636.363 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (62.800.000.000) | - |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (17.934.999.600) |
| 5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 5.215.060.957 | 5.658.107.545 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (60.371.844.411) | (12.537.985.334) |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | (24.732.286.775) |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | 2.000.000.000 | - |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (2.000.000.000) | - |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (17.520.044.500) | (5.960.360.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (17.520.044.500) | (30.692.646.775) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | (54.746.451.316) | (26.115.685.795) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 99.710.404.514 | 123.600.195.317 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 222.588.164 | 2.225.894.992 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 45.186.541.362 | 99.710.404.514 |



Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu



Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Mã Ngọc Tiên
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 7 ngày 03 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 126.000.000.000 VND. Trong đó vốn góp Nhà nước là 58.762.800.000 VND, chiếm 46,64% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 172 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 188).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác quặng, kim loại quý hiếm.

Hoạt động chính của Công ty là khai thác và chế biến quặng antimony.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm văn phòng chính của Công ty đặt tại Hà Giang, văn phòng chi nhánh đặt tại Hà Nội, phân xưởng khai thác và phân xưởng luyện antimony đặt tại Hà Giang.

Công ty có một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương.

00
T
H
T
V
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 5, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại theo quyết định điều chỉnh hồi tố của Ban Giám đốc.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

C.T. ...
HẠN
E
HÀ NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Năm nay |
|--|----------------|
| | Số năm |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 05 - 07 |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại đường Trần Phú và đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, chi phí đầu tư nghiên cứu thăm dò điểm quặng antimony (bản quyền khai thác mỏ antimony), bản quyền bằng sáng chế - Đề tài Chì - Kẽm, quyền khai thác khoáng sản.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Giang, Công ty sẽ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 130.940,7 m² đất tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh để khai thác quặng antimony với thời hạn sử dụng đất là 30 năm kể từ ngày 27 tháng 12 năm 1996. Chi phí để có quyền sử dụng đất được đánh giá là không đáng kể.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS ("Giấy phép") ngày 27 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Công ty được cấp quyền khai thác khoáng sản tại Xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang trong vòng 30 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Quyền khai thác khoáng sản bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc "Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng antimony tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang", chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được Giấy phép khai thác khoáng sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Quyền khai thác khoáng sản được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 11,5 năm, trong khi chi phí hoàn nguyên môi trường được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản tính từ khi ghi nhận chi phí hoàn nguyên môi trường.

Các tài sản cố định vô hình còn lại được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại Hà Nội và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Hà Nội đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí hoàn nguyên môi trường

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS ("Giấy phép") ngày 27 tháng 12 năm 1996, Công ty có nghĩa vụ thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất và môi trường của mỏ tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang vào thời điểm kết thúc thời hạn khai thác. Công ty đã thực hiện lập dự phòng cho chi phí hoàn nguyên môi trường nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Vốn - Quỹ**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu. Quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính (nay được thay thế bằng Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính) và Công văn số 3654/TCT-CS ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Tổng Cục thuế. Theo đó, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có lãi và được giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Năm 2009 là năm thứ tư Công ty hoạt động liên tục có lãi từ sau khi cổ phần hóa và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 555/CT-KTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Cục thuế tỉnh Hà Giang, năm 2007 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế; từ năm 2008 trở đi Công ty sẽ bắt đầu áp dụng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%. Do chưa có sự thống nhất về ưu đãi thuế nêu trên nên Công ty đã tính và kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của Công văn số 555/CT-KTT.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Theo Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimony áp dụng từ ngày 01 tháng 02 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 18%. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimony là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố chi phí liên quan đến giao dịch bán lại dự án khai thác mỏ Chì - Kẽm cho đối tác khác với số tiền là 468.719.064 VND do chưa được ghi nhận vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại như sau:

| Chi tiêu | Mã số | Tại ngày 31/12/2015 | | |
|---|-------|---------------------|---------------|------------------|
| | | Số đã báo cáo | Điều chỉnh | Số trình bày lại |
| | | VND | VND | VND |
| NỢ PHẢI TRẢ | | | | |
| Phải trả dài hạn khác | 313 | 9.000.000 | 468.719.064 | 477.719.064 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 7.667.210.208 | (468.719.064) | 7.198.491.144 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | 7.667.210.208 | (468.719.064) | 7.198.491.144 |

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt tại quỹ | 612.017.188 | 741.388.706 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.824.854.174 | 28.961.146.086 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 36.749.670.000 | 70.007.869.722 |
| | 45.186.541.362 | 99.710.404.514 |

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn | 62.800.000.000 | - | - | - |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại | 62.800.000.000 | - | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 12.756.900.240 | - | 12.756.900.240 | - |
| Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (i) | 12.756.900.240 | - | 12.756.900.240 | - |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 69.969.880.000 | (12.833.747.485) | 69.969.880.000 | - |
| Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (ii) | 69.469.880.000 | (12.833.747.485) | 69.469.880.000 | - |
| Quỹ đầu tư, phát triển đất và bảo lãnh tín dụng tỉnh Hà Giang | 500.000.000 | - | 500.000.000 | - |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty sở hữu 613.116 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 35,7% vốn điều lệ của Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty sở hữu 4.166.988 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 9,69% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. Ban Giám đốc đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho khoản đầu tư này căn cứ vào Báo cáo tài chính chưa được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Các khoản đầu tư của công ty bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác, do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, đồng thời Công ty cũng không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa thể xác định được để trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản và Thương mại VQB | - | 4.000.000.000 |
| Phải thu các khách hàng khác | 237.386.988 | 261.184.691 |
| Cộng | 237.386.988 | 4.261.184.691 |

9. PHẢI THU KHÁC

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a. Ngắn hạn | 1.943.444.291 | 671.231.152 |
| - Tạm ứng cho nhân viên | 376.153.709 | 378.904.834 |
| - Lãi tiền gửi dự thu | 1.411.384.397 | 146.147.747 |
| - Phải thu khác | 155.906.185 | 146.178.571 |
| b. Dài hạn | 1.461.211.296 | 1.704.253.453 |
| - Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ | 1.285.770.896 | 1.528.813.053 |
| - Các khoản đặt cọc | 175.440.400 | 175.440.400 |
| Cộng | 3.404.655.587 | 2.375.484.605 |

10. NỢ XẤU

| | <u>Số cuối năm</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|---|--------------------|------------------------------------|-------------------------|--------------------|------------------------------------|----------------------|
| | Giá gốc (VND) | Giá trị có thể thu hồi (VND) | Thời gian quá hạn | Giá gốc (VND) | Giá trị có thể thu hồi (VND) | Thời gian quá hạn |
| Doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây lắp Thành Đồng | 202.440.273 | - | Trên 3 năm | 202.440.273 | - | Trên 3 năm |
| Công ty TNHH Hạ Long | 455.840.600 | - | Trên 3 năm | 455.840.600 | - | Trên 3 năm |
| Khách hàng khác | 67.959.980 | - | Trên 3 năm | 67.959.980 | - | Trên 3 năm |
| | 726.240.853 | - | | 726.240.853 | - | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. HÀNG TỒN KHO**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 3.649.357.749 | - | 2.040.313.203 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 329.869.497 | - | 556.917.598 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | - | 2.482.033.593 | - |
| Thành phẩm | 16.626.524.712 | - | 20.093.766.501 | - |
| Cộng | 20.605.751.958 | - | 25.173.030.895 | - |

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a. Ngắn hạn | 92.405.015 | 98.160.000 |
| Chi phí thuê văn phòng | 92.405.015 | 98.160.000 |
| b. Dài hạn | 1.223.095.910 | 1.700.534.668 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 1.223.095.910 | 1.700.534.668 |
| Cộng | 1.315.500.925 | 1.798.694.668 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANGSố 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | | Máy móc, thiết bị | | Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | | Thiết bị, dụng cụ quản lý | | Cộng | |
|-----------------------------------|---------------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|---|-----|------------------------------|-----|------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 18.125.700.533 | 19.682.767.258 | 5.665.326.866 | 525.158.200 | 43.998.952.857 | | | | | |
| Mua trong năm | - | 101.452.100 | - | - | 101.452.100 | | | | | |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 168.903.098 | - | - | - | 168.903.098 | | | | | |
| Số dư cuối năm | 18.294.603.631 | 19.784.219.358 | 5.665.326.866 | 525.158.200 | 44.269.308.055 | | | | | |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 13.073.529.066 | 14.435.303.455 | 4.299.934.400 | 474.726.144 | 32.283.493.065 | | | | | |
| Khấu hao trong năm | 2.222.379.618 | 2.178.331.893 | 663.715.211 | 34.716.564 | 5.099.143.286 | | | | | |
| Số dư cuối năm | 15.295.908.684 | 16.613.635.348 | 4.963.649.611 | 509.442.708 | 37.382.636.351 | | | | | |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 5.052.171.467 | 5.247.463.803 | 1.365.392.466 | 50.432.056 | 11.715.459.792 | | | | | |
| Tại ngày cuối năm | 2.998.694.947 | 3.170.584.010 | 701.677.255 | 15.715.492 | 6.886.671.704 | | | | | |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 15.454.747.480 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 12.099.945.395 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANGSố 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VỐ HÌNH**

| | Quyền sử dụng đất | Quyền khai thác khoáng sản | Bản quyền, bằng sáng chế | Tài sản cố định vô hình khác | Cộng |
|-------------------------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.827.595.455 | 22.723.027.000 | 380.554.359 | 20.237.375.379 | 46.168.552.193 |
| Số dư cuối năm | 2.827.595.455 | 22.723.027.000 | 380.554.359 | 20.237.375.379 | 46.168.552.193 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 560.481.791 | 7.522.885.000 | 380.554.359 | 5.910.851.857 | 14.374.773.007 |
| Khấu hao trong năm | 124.207.460 | 2.171.448.000 | - | 1.297.010.131 | 3.592.665.591 |
| Số dư cuối năm | 684.689.251 | 9.694.333.000 | 380.554.359 | 7.207.861.988 | 17.967.438.598 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 2.267.113.664 | 15.200.142.000 | - | 14.326.523.522 | 31.793.779.186 |
| Tại ngày cuối năm | 2.142.906.204 | 13.028.694.000 | - | 13.029.513.391 | 28.201.113.595 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.697.435.901 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.697.435.901 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANGSố 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

| | Số đầu năm | | Số phải nộp/ thu trong năm | | Số đã thực nộp/ thu trong năm | | Số cuối năm | |
|---|------------|-----------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----|-------------------|-----------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | VND | VND | VND | VND | Phải thu | Phải nộp |
| | | | | | | | | |
| | VND | VND | | | | | VND | VND |
| - Thuế giá trị gia tăng | - | - | | 50.173.587 | 48.199.649 | | | 1.973.938 |
| - Thuế xuất khẩu được hoàn | - | - | | 23.492.927 | 23.492.927 | | | - |
| - Thuế thu nhập cá nhân được hoàn | - | - | | 62.012.450 | 62.012.450 | | | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 110.619.785 | | 604.559.461 | 802.830.887 | | 87.651.641 | - |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | 29.921.007 | | 625.411.491 | 645.943.416 | | | 9.389.082 |
| - Thuế xuất khẩu | - | - | | 1.580.521.019 | 1.580.521.019 | | | - |
| - Thuế tài nguyên | - | 1.868.846.400 | | 7.667.750.700 | 8.931.439.800 | | | 605.157.300 |
| - Phí bảo vệ môi trường | - | 64.890.500 | | 444.664.200 | 467.807.236 | | | 41.747.464 |
| - Thuế môn bài | - | - | | 5.000.000 | 5.000.000 | | | - |
| - Tiền thuế đất | - | - | | 246.858.500 | 246.858.500 | | | - |
| - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (i) | - | 18.380.131.000 | | - | 2.171.448.000 | | | 16.208.683.000 |
| Cộng | - | 20.454.408.692 | | 11.310.444.335 | 14.985.553.884 | | 87.651.641 | 16.866.950.784 |

(i) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc "Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng antimony tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang". Số dư tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp từ năm 2017 đến năm 2022 là 13.028.694.000 VND (mỗi năm phải nộp số tiền là 2.171.448.000 VND) và số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.179.989.000 VND (Nhà nước tạm thời chưa thu theo Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| - Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ antimony Mậu Duệ | 5.106.059.689 | 4.456.059.689 |
| - Dự án Nhà máy tuyển quặng antimony Mậu Duệ (i) | 1.703.504.827 | 1.697.304.827 |
| - Dự án Mở rộng và nâng cấp bãi thải số 1, mỏ antimony Mậu Duệ - Hạng mục Đập thượng lưu (ii) | 2.012.333.268 | - |
| - Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng Công ty | 174.360.909 | 174.360.909 |
| - Dự án thăm dò quặng antimony mỏ Bó Mới - Thâm Tiềng giai đoạn I (iii) | - | 6.676.836.360 |
| - Khác | 153.192.100 | 30.280.213 |
| Cộng | <u>9.149.450.793</u> | <u>13.034.841.998</u> |

- (i) Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy tuyển quặng antimony Mậu Duệ nhằm tận dụng quặng còn sót lại tại bãi thải có hàm lượng thấp (bình quân 1%) để tận thu nhằm bổ sung thêm nguyên liệu cho nhà máy luyện antimony. Dự án đang trong giai đoạn lập hồ sơ, nghiên cứu, thiết kế ban đầu.
- (ii) Dự án Mở rộng và nâng cấp bãi thải số 1, mỏ antimony Mậu Duệ - Hạng mục Đập thượng lưu là công trình do Công ty tự thực hiện nhằm mở rộng khu vực chứa chất thải từ quá trình khai thác antimony.
- (iii) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Dự án thăm dò quặng antimony mỏ Bó Mới - Thâm Tiềng đã kết thúc mà chưa tìm thấy thân quặng antimony. Ban Giám đốc Công ty đã quyết định kết chuyển toàn bộ số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án này vào chi phí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| | <u>VND</u> | | <u>VND</u> | |
| - Công ty TNHH Thuận An | 250.798.900 | 250.798.900 | 342.599.160 | 342.599.160 |
| - Công ty TNHH Một thành viên Hùng Ngọc | 1.156.222.573 | 1.156.222.573 | 4.098.800.768 | 4.098.800.768 |
| - Phải trả các đối tượng khác | 172.747.030 | 172.747.030 | 255.417.954 | 255.417.954 |
| Cộng | <u>1.579.768.503</u> | <u>1.579.768.503</u> | <u>4.696.817.882</u> | <u>4.696.817.882</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát | 121.500.000 | 228.000.000 |
| Đóng góp cho địa phương (i) | - | 15.750.000.000 |
| Cổ tức phải trả | - | 11.920.720.000 |
| Phải trả, phải nộp khác | 311.697.167 | 285.477.535 |
| Cộng | <u>433.197.167</u> | <u>28.184.197.535</u> |

- (i) Số tiền phải nộp theo quy định tại Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2010 và hướng dẫn tại Quyết định số 2621/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang về việc quy định tạm thời mức đóng góp từ hoạt động khai thác khoáng sản để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn tỉnh Hà Giang (“Quyết định 2621”).

Căn cứ vào Báo cáo tư vấn của luật sư đánh giá về tính pháp lý của Quyết định 2621 và Công văn số 109/BC-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Hà Giang về việc đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang xem xét báo cáo thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh tạm dừng thực hiện thu khoản tiền nêu trên, Công ty đã tạm dừng trích chi phí phải đóng góp cho địa phương cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 15.120.000.000 VND, đồng thời hoàn nhập số chi phí phải đóng góp cho địa phương đã được Công ty trích lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào thu nhập khác trong năm 2016 với số tiền là 15.750.000.000 VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, UBND tỉnh Hà Giang chưa đưa ra quyết định đối với việc tạm dừng thu đối với các khoản đóng góp địa phương nêu trên.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Giang sẽ đồng ý với kiến nghị tại Công văn số 109/BC-CT và Công ty sẽ không phải nộp khoản đóng góp cho địa phương nói trên.

19. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí hoàn nguyên môi trường (i) | 13.638.192.882 | 13.855.640.382 |
| Cộng | <u>13.638.192.882</u> | <u>13.855.640.382</u> |
| Chi tiết: | | |
| <i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i> | - | - |
| <i>Dự phòng phải trả dài hạn</i> | 13.638.192.882 | 13.855.640.382 |

- (i) Dự phòng phải trả dài hạn gồm chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính mà Công ty phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác khoáng sản để cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|--|------------------------|----------------------|-------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 126.000.000.000 | 4.500.000.000 | (18.101.620.304) | 1.103.464.642 | 104.186.124.012 | 10.724.456.798 | 228.412.425.148 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 20.618.873.903 | 20.618.873.903 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | 2.839.598.479 | (2.839.598.479) | - |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (24.732.286.775) | - | - | - | (24.732.286.775) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | (2.955.442.014) | (2.955.442.014) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | (17.881.080.000) | (17.881.080.000) |
| Số dư đầu năm nay như trình bày trong báo cáo năm trước | 126.000.000.000 | 4.500.000.000 | (42.833.907.079) | 1.103.464.642 | 107.025.722.491 | 7.667.210.208 | 203.462.490.262 |
| Điều chỉnh hồi tố (i) | - | - | - | - | - | (468.719.064) | (468.719.064) |
| Số dư đầu năm nay được trình bày lại | 126.000.000.000 | 4.500.000.000 | (42.833.907.079) | 1.103.464.642 | 107.025.722.491 | 7.198.491.144 | 202.993.771.198 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 16.885.513.517 | 16.885.513.517 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii) | - | - | - | - | - | (1.819.897.386) | (1.819.897.386) |
| Chia cổ tức (ii) | - | - | - | - | - | (5.960.360.000) | (5.960.360.000) |
| Số dư cuối năm nay | 126.000.000.000 | 4.500.000.000 | (42.833.907.079) | 1.103.464.642 | 107.025.722.491 | 16.303.747.275 | 212.099.027.329 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

- (i) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 5, do ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm đi 468.719.064 VND và số dư phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tăng lên một khoản tương ứng.
- (ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2015 như sau:
- Trả cổ tức bằng tiền là 17.881.080.000 VND, trong đó đã hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2015 là 11.920.720.000 VND, hạch toán vào báo cáo tài chính năm nay là 5.960.360.000 VND;
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.500.000.000 VND, trong đó đã hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2015 là 1.030.943.695 VND, hạch toán vào báo cáo tài chính năm nay là 469.056.305 VND. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với số tiền là 1.350.841.081 VND, tương đương với 8% lợi nhuận sau thuế năm 2016. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tiền tạm trích này sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017.

Số lượng cổ phiếu

| Cổ phiếu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|-------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 12.600.000 | 12.600.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 12.600.000 | 12.600.000 |
| - Số lượng cổ phiếu quỹ | 679.280 | 679.280 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 679.280 | 679.280 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 11.920.720 | 11.920.720 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 11.920.720 | 11.920.720 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 7 ngày 3 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là 126.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ, chi tiết như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | Số tiền (VND) | Tỷ lệ (%) | Số tiền (VND) | Tỷ lệ (%) |
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước | 58.762.800.000 | 46,64% | 58.762.800.000 | 46,64% |
| Cổ đông nội bộ (thành viên HĐQT, BGD, BKS và KTT) | 1.252.300.000 | 0,99% | 10.372.000.000 | 8,23% |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Dương | 4.000.000.000 | 3,17% | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính BIDV | - | - | 10.011.000.000 | 7,95% |
| Cổ phiếu quỹ | 6.792.800.000 | 5,40% | 6.792.800.000 | 5,39% |
| Các cổ đông khác | 55.192.100.000 | 43,80% | 40.061.400.000 | 31,79% |
| Tổng cộng | 126.000.000.000 | 100% | 126.000.000.000 | 100% |

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán kim loại antimony | 87.543.607.434 | 85.183.276.194 |
| | 87.543.607.434 | 85.183.276.194 |

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn khai thác và chế biến kim loại antimony | 59.747.593.618 | 55.157.687.340 |
| | 59.747.593.618 | 55.157.687.340 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 13.528.435.831 | 12.449.133.311 |
| Chi phí nhân công | 20.456.241.652 | 20.350.172.002 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.691.808.877 | 9.423.524.515 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.721.379.153 | 14.931.896.655 |
| Chi phí khác bằng tiền | 13.641.689.427 | 11.902.302.610 |
| | 66.039.554.941 | 69.057.029.093 |

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 4.640.949.607 | 2.738.675.292 |
| Cổ tức | 1.839.348.000 | 1.226.232.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 222.588.164 | 2.225.894.992 |
| | 6.702.885.771 | 6.190.802.284 |

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|-----------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | 12.833.747.485 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 271.115.191 | 55.789.745 |
| Lãi tiền vay | 7.388.889 | - |
| | 13.112.251.565 | 55.789.745 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI/(LỖ) KHÁC

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập khác (i) | 15.950.984.822 | 321.721.720 |
| | 15.950.984.822 | 321.721.720 |
| Chi phí khác (ii) | 7.618.445.865 | 1.129.053.879 |
| | 7.618.445.865 | 1.129.053.879 |
| Lãi/(Lỗ) khác | 8.332.538.957 | (807.332.159) |

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định hoàn nhập số chi phí phải đóng góp cho địa phương đã được Công ty trích lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào thu nhập khác trong năm 2016 với số tiền là 15.750.000.000 VND.

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định kết chuyển toàn bộ số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án thăm dò quặng antimony mỏ Bó Mới - Thâm Tiêng giai đoạn I vào chi phí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 6.676.836.360 VND.

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm | | |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 6.113.527.503 | 6.711.753.233 |
| - Chi phí khấu hao | 729.767.328 | 1.437.342.062 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 711.490.328 | 1.956.648.395 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 1.626.745.621 | 968.402.232 |
| - Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 1.655.201.793 | 800.023.579 |
| | 10.836.732.573 | 11.874.169.501 |
| Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm | | |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.252.223.705 | 1.130.422.822 |
| - Chi phí bán hàng khác | 140.157.723 | 168.761.120 |
| | 1.392.381.428 | 1.299.183.942 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận trước thuế | 17.490.072.978 | 22.179.915.791 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | (17.811.936.164) | (2.676.583.786) |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 11.282.373.412 | 2.703.777.324 |
| Thu nhập chịu thuế | 10.960.510.226 | 22.207.109.329 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính | 15.566.899.815 | 19.556.012.735 |
| (Lỗ)/Lãi từ hoạt động kinh doanh khác (i) | (4.606.389.589) | 2.651.096.594 |
| Thuế suất (ii) | 10% và 20% | 10% và 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.096.051.023 | 2.538.842.524 |
| <i>Ưu đãi giảm thuế</i> | | |
| Ưu đãi giảm 50% thuế cho hoạt động kinh doanh chính | (548.025.511) | (977.800.636) |
| Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp (iii) | 56.533.949 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 604.559.461 | 1.561.041.888 |

(i) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.

(ii) Theo Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn liên quan, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác.

(iii) Số thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo Quyết định của Cục thuế tỉnh Hà Giang về việc thanh tra thuế năm 2015 tại Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Đơn vị | Năm nay | Năm trước |
|--|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | VND | 16.885.513.517 | 20.618.873.903 |
| Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông | VND | 1.350.841.081 | 1.500.000.000 |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | VND | 15.534.672.436 | 19.118.873.903 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | Cổ phiếu | 11.920.720 | 11.963.887 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VND/Cổ phiếu | 1.303 | 1.598 |

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016 đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, cụ thể như sau:

| | Đơn vị | Năm trước | |
|--|---------------------|-----------------------|-------------------------|
| | | Số đã báo cáo | Số trình bày lại |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | VND | 20.618.873.903 | 20.618.873.903 |
| Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông | VND | 1.030.943.695 | 1.500.000.000 |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | VND | 19.587.930.208 | 19.118.873.903 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | Cổ phiếu | 11.963.887 | 11.963.887 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VND/Cổ phiếu | 1.637 | 1.598 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 564.180.944 | 572.162.184 |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 231.025.455 | 245.400.000 |

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 80 m² tại tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 01 năm và được gia hạn hàng năm.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|----------------------------|
| Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc | Quản lý, điều hành Công ty |
| Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương | Công ty liên kết |

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| | VND | VND |
| Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương | 1.839.348.000 | 3.065.580.000 |

Y
 JH
 E
 V
 H
 H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------|----------------|------------------|
| | VND | VND |
| Hội đồng Quản trị | 1.198.806.600 | 1.784.190.300 |
| Ban Giám đốc | 1.187.645.400 | 1.863.895.500 |

**Hoàng Lê Khanh**
Người lập biểu**Đỗ Khắc Hùng**
Kế toán trưởng**Ma Ngọc Tiến**
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017